

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 287/2023/DS-PT
Ngày: 25 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi
lại tài sản và hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản và hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn X1, sinh năm 1967 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . .

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979 (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Chí N1, sinh năm 1999 (vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Việt K, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan: Chị Trần Thị N2, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 trình bày :

Ngày 15/12/2021 âm lịch, ông Nguyễn Văn Tr, bà Võ Thị Mun hỏi mượn ông X1, bà X2 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 19/01/2022 âm lịch mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng để mua vật tư làm nhà, các khoản tiền này do bà Mun trực tiếp nhận nhưng không làm biên nhận; do đi làm ăn xa nên trong ngày 19/01/2022 âm lịch ông X1, bà X2 gửi nhờ ông T, bà Mun giữ hộ 22,5 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k; tháng 3/2022 ông X1, bà X2 hót dây hụi (do bà 9 Ngoảnh làm đầu thảo) và đưa cho ông T mượn 25.000.000 đồng; ngoài ra trong khoảng tháng 3, tháng 4/2022 âm lịch trong thời gian đi làm ông X1, bà X2 nhiều lần gửi tiền về cho ông T, bà Mun để đóng hụi dùm với tổng số tiền 46.800.000 đồng. Tháng 4/2022 sau khi bà Mun chết, anh Nguyễn Chí N1 là con của ông T, bà Mun làm biên nhận xác định ông T, bà Mun còn thiếu các khoản, gồm: 300.000.000 đồng, 46.800.000 đồng, 22,5 chỉ vàng 24k, riêng 04 chỉ vàng 18k không ghi trong biên nhận; khi anh N1 làm biên nhận có ông T nhưng không ký vì cho rằng anh N1 đã ký rồi.

Sau khi làm biên nhận, thì ông X1, bà X2 đã cân trừ số tiền hụi phải đóng 3.600.000 đồng vào số tiền gửi về 46.800.000 đồng nên khoản tiền này ông T còn giữ 43.200.000 đồng.

Ngoài ra, ông X1, bà X2 còn tham gia các dây hụi do ông T, bà Mun làm đầu thảo, cụ thể: Tham gia 02 chung trong dây hụi mở ngày 25/6/2021 gồm 40 chung, loại loại 1.000.0000 đồng/tháng, sau khi đóng được 15 lần tương ứng với số tiền 30.000.000 đồng và tham gia 01 chung trong dây hụi mở ngày 09/0/2022 âm lịch gồm 22 chung, loại 2.000.000 đồng/tháng, sau khi đóng được 07 lần tương ứng với số tiền 14.000.000 đồng thì ông T cho rằng ông X1, bà X2 đóng hụi trễ nên không đi gom hụi. Số tiền dây hụi 1.000.000 đồng thực tế đã đóng là 15.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng là 10.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông T đã trả 04 chỉ vàng 18k cho ông X1, bà X2; mặc dù số tiền gửi về (sau khi đối trừ) còn 43.200.000 đồng nhưng do ông T thừa nhận 42.480.000 đồng nên nguyên đơn thống nhất về số tiền để yêu cầu ông T, anh N1, anh K trả lại.

Như vậy, ông X1, bà X2 yêu cầu ông T và hàng thừa kế thứ nhất của bà Mun (gồm ông T, anh Nguyễn Chí N1, anh Nguyễn Việt K) trả lại tổng số tiền 392.980.000 đồng (300.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 15.000.000 đồng + 10.500.000 đồng+ 42.480.000 đồng) và 22,5 chỉ vàng 24k.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Tr, thể hiện:

Bà Võ Thị Mun chết vào ngày 10/4/2022 âm lịch, cha, mẹ bà Mun đã chết từ lâu, ông và bà Mun chung sống có 02 người con gồm Nguyễn Chí N1, Nguyễn Việt K.

Vào thời điểm bà Mun còn sống, ông X1, bà X2 nhiều lần gửi tiền về nhờ giữ dùm với tổng số là 68.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hội phải đóng 25.520.000 đồng thì số tiền còn lại là 42.480.000 đồng.

Ngày 18/10/2021 âm lịch ông X1, bà X2 có gửi cho bà Mun số tiền 100.000.000 đồng nhờ giữ dùm, khoảng 5-6 tháng sau ông Đặng Quốc Sử (ở cùng địa phương) gặp khó khăn nên ông đã cho ông Sử mượn số tiền này, khi bà X2 biết việc cho ông Sử mượn tiền đã yêu cầu ông trả lãi và ông đã đóng được 02 tháng tiền lãi (4-5.000.000 đồng/tháng) thì ông lấy lại để mua vật tư làm nhà; ngày 19/01/2022 âm lịch, bà X2 gửi cho bà Mun giữ dùm 22,5 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k; việc ông X1, bà X2 xác định ngày 15/12/2021 đưa cho bà Mun mượn 200.000.000 đồng để mua vật tư làm nhà là hoàn toàn không có, giá trị nhà ông xây dựng khoảng 500.000.000 đồng - 600.000.000 đồng từ nguồn tiền hốt hội, tiền tích lũy và mượn của ông X1, bà X2 100.000.000 đồng.

Sau khi bà Mun chết, bà X2, ông X1 đến tính toán số tiền, vàng gửi. Do thực tế ông và bà Mun có mượn 100.000.000 đồng, giữ dùm 22,5 chỉ vàng 24k, 04 chỉ vàng 18k nhưng bà X2 nói mượn 300.000.000 đồng và vàng như nên ông không đồng ý và bỏ ra trước quét nhà; các khoản nợ là của ông và bà Mun nên không yêu cầu Nguyễn viết biên nhận, việc nguyên đơn xác định Nguyễn viết biên nhận xác định ông thiếu số tiền 346.800.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 24k là không đúng và ông cũng không biết Nguyễn có viết hay không, chữ viết trong biên nhận không phải của Nguyễn.

Trước đây, bà X2 cho rằng hốt hội của bà 9 Ngoảnh và đưa cho bà Mun mượn 25.000.000 đồng ông không biết, sau khi liên hệ chủ hội thì biết có hốt hội và cho mượn tiền nên ông đồng ý số tiền này mà bà X2 đặt ra.

Ngoài ra, ông X1, bà X2 tham gia 02 dây hội ở trên, dây hội 1.000.000 đồng ông X1, bà X2 đóng được 15 lần, bỏ bình quân khoảng 400.000 đồng, dây hội 2.000.000 đồng đóng được 07 lần, bỏ bình quân khoảng 600.000 đồng. Trong dây hội 1.000.000 đồng, chị N2 (con ông X2, bà X1) tham gia 02 chung, khi bà X2 bỏ hốt hội 460.000 đồng, chị N2 bỏ 450.000 đồng nên về nguyên tắc xác định bà X2 được hốt 01 chung của dây hội này; tuy nhiên, sau khi đưa chị N2 vào tham gia tố tụng, chị N2 thừa nhận đã lấy tiền chung hội mà bà X2 bỏ hốt nên các dây hội ông X1, bà X2 tham gia đều còn sống và tính đến khi mãn hội thì số tiền hội là 44.000.000 đồng. Qua yêu cầu của nguyên đơn, ông đồng ý trả cho ông X1, bà X2 số tiền đã đóng của 02 dây hội là 25.500.000 đồng. Đối với các chung hội chị N2 tham gia, hiện còn thiếu thì ông sẽ thỏa thuận với chị N2 và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình Tòa án giải quyết, ông đã trả 04 chỉ vàng 18k, như vậy tổng các khoản của ông X1, bà X2 còn lại và ông đồng ý trả là 192.980.000 đồng (100.000.000 đồng + 42.480.000 đồng + 25.000.000 đồng + 15.000.000 đồng + 10.500.000 đồng) và 22,5 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền 200.000.000 đồng không có mượn nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Thị N2, thể hiện:* Chị có tham gia 02 chung trong dây hụi mở ngày 25/6/2021 gồm 40 chung, loại loại 1.000.0000 đồng/tháng, đến ngày 25/8/2022 chị bỏ hốt hụi số tiền là 450.000 đồng, bà X2 (mẹ của chị) bỏ hốt hụi số tiền 460.000 đồng nên giữa chị và bà X2 thỏa thuận để chị hốt hụi. Trong dây hụi này chị còn 01 chung hụi sống và 01 chung hụi chết và dây hụi chưa mãn nên chị sẽ thỏa thuận với ông T về dây hụi này và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 về yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả 04 chỉ vàng 18k.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2. Buộc ông Nguyễn Văn Tr và hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị Mun, gồm: ông T, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả cho ông X1, bà X2 192.980.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) và 22 (hai mươi hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (anh N1 và anh K chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà Mun để lại).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông X1, bà X2 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, anh N1 và anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr và hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị Mun, gồm: ông T, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/6/2023, ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông T, anh N1, anh K trả số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông X1 bà X2 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 200.000.000 đồng do ông T mượn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông X1 bà X2, hủy một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr và hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị Mun (gồm ông T, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K) trả lại số tiền, vàng mượn, giữ giữ và tiền hụi tổng số tiền là 392.980.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 24k. Ông T không thừa nhận có mượn 200.000.000 đồng, các khoản còn lại ông T thừa nhận. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như số tiền ông T đã thừa nhận nên nguyên đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, ông T, bà Mun là người mượn tiền, giữ dùm tiền, vàng và tham gia hụi với ông X1, bà X2. Bà Mun đã chết nên ông X1, bà X2 khởi kiện ông T và hàng thừa kế thứ nhất của bà Mun là anh N1 anh K có nghĩa vụ trả lại các khoản nêu trên là phù hợp.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà X2 ông X1, thống nhất được các khoản mà ông T, anh N1, anh K phải trả lại cho bà X2 ông X1, gồm: 192.980.000 đồng (100.000.000 đồng + 42.480.000 đồng + 25.000.000 đồng + 15.000.000 đồng + 10.500.000 đồng) và 22,5 chỉ vàng 24k. Ngoài khoản tiền trên, ông T không thừa nhận có mượn của ông X1 bà X2 số tiền 200.000.000 đồng. Do đó án sơ thẩm buộc ông T anh N1, anh K có nghĩa vụ thanh toán số tiền 192.980.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 24k cho bà X2 ông X1; không chấp nhận yêu cầu của bà X2 ông X1 đối với số tiền 200.000.000 đồng do ông T mượn.

[4] Ông X1 bà X2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông T, anh N1 và anh K thanh toán thêm số tiền 200.000.000 đồng do ông X1 bà X2 cho mượn. Căn cứ vào hồ sơ thể hiện biên nhận nợ do anh N1 viết với nội dung xác định ông T còn nợ khoản tiền 346.800.000 đồng, đồng thời đoạn ghi âm do bà X2 cung cấp có đoạn thừa nhận số tiền nợ 200.000.000 đồng, nhưng đoạn ghi âm chưa được kiểm chứng cụ thể là giọng nói của ai. Do đó tại phiên tòa phúc thẩm bà X2 ông X1 xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T về khoản tiền 200.000.000 đồng.

[5] Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông X1 bà X2 là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu ông T thanh toán khoản tiền 200.000.000 đồng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Án phí phúc thẩm: ông X1 bà X2 phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 289, Điều 399 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau và Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr và hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị Mun, gồm: ông T, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả số tiền 200.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 về yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả 04 chỉ vàng 18k.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2.

Buộc ông Nguyễn Văn Tr và hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị Mun, gồm: ông Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K trả cho ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 192.980.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) và 22 (hai mươi hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (anh N1 và anh K chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà Mun để lại).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông X1, bà X2 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, anh N1 và anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chi phí giám định: Buộc ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 phải chịu 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng). Ông X1, bà X2 đã nộp và đối chiếu thanh toán xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Đối trừ số tiền án phí vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 10.544.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012998 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì ông X1, bà X2 được nhận lại 544.000 đồng (năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Tr, anh Nguyễn Chí N1 và anh Nguyễn Việt K phải chịu 15.926.500 đồng (mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng) (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn X1, bà Nguyễn Thị X2 phải chịu **300.000 đồng**. Ngày 07/6/2023 ông X1, bà X2 đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014238 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào

[